



HAPULICO

Tỏa sáng khắp mọi miền



2023-2024

SAMBA

ĐÈN PHA LED LED FLOODLIGHT



energy saving
LED TECHNOLOGY





SAMBA

LED FLOODLIGHT

PHẠM VI SỬ DỤNG | Application

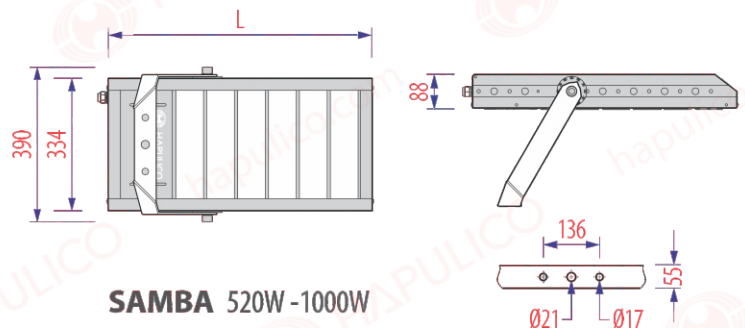
- Chiếu sáng sân thể thao, khu vực có không gian lớn như: quảng trường, sân bay, bến cảng, bãi đỗ xe...
- Lighting of sport fields, large areas such as: squares, airports ports, parking lots...

MÔ TẢ SẢN PHẨM | Description

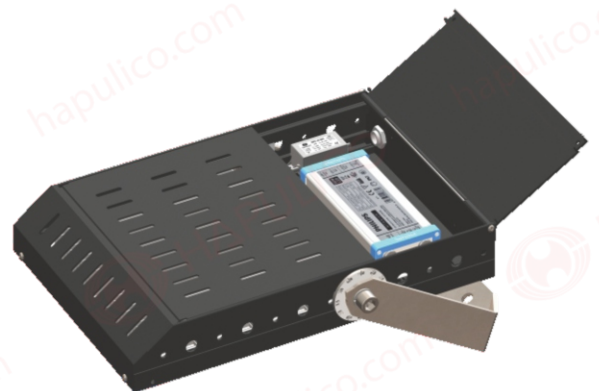
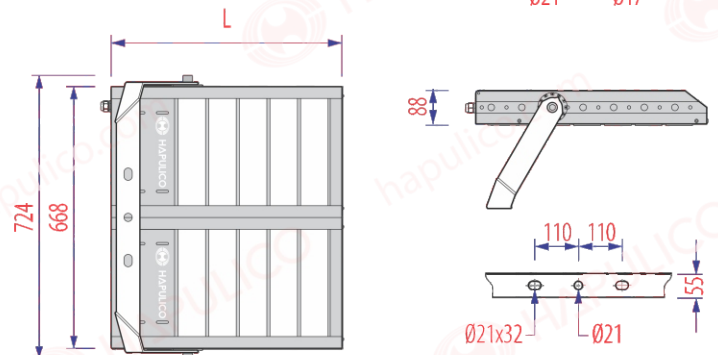
- Module: Chip Led hiệu suất cao. (Lumileds, Osram, Samsung ... hoặc tương đương)
- Bộ nguồn có thể lập trình DIM tới 5 chế độ, có khả năng kết nối với điều khiển trung tâm.
- SPD: Bảo vệ xung điện, chống sét.
- Thân đèn: Nhôm đúc ép áp lực cao.
- Tay đèn: Thép mạ, lắp xoay đa chiều tùy vị trí gá.
- Sơn tĩnh điện màu đen mờ (RAL 9011), có kháng UV. Chống bám bụi, chống ăn mòn, chịu được hơi muối biển.
- Số lượng Module LED thay đổi theo công suất đèn.
- LED Module: Led chip with high efficacy. (Lumileds, Osram, Samsung... or equivalent)
- SPD: Resistant to surges.
- LED driver: Programmable dimming up to 5 steps, external control interface available.
- Housing: Aluminum extruded.
- Mounting bracket: Galvanised steel, universal installation.
- Power coating in matte black (RAL 9011), UV resistance anti-dust, high resistance to corrosion and salty water
- Number of LED module is changed according to the luminaire power.

Drawing

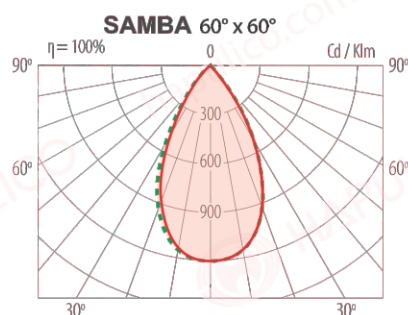
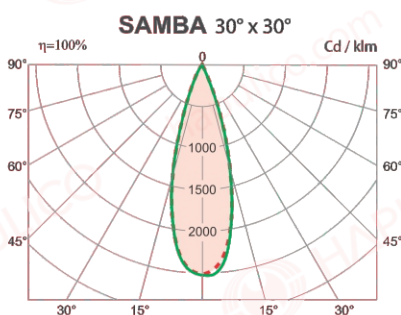
SAMBA 200W - 500W



SAMBA 520W - 1000W



ĐƯỜNG PHÂN BỐ ÁNH SÁNG | Polar Intensity Diagram



IP66  Class I  IK08 

SAMBA

LED FLOODLIGHT



Thông số kỹ thuật Technical Specifications		SAMBA LED FLOODLIGHT												
		200	240	260	320	350	400	480	520	640	700	800	900	1000
Công suất (W) Power		200	240	260	320	350	400	480	520	640	700	800	900	1000
Quang thông đèn 4,000K (lm) Initial Luminous Flux for 4000K		26.000	31.200	33.800	41.600	45.500	52.000	62.400	67.600	83.200	91.000	104.000	117.000	130.000
Hiệu suất sáng đèn (lm/W) System Eciency		≥130 (4000K)												
Nhiệt độ màu (K) Color Temperature		3,000* / 4,000 / 5,700*												
Chỉ số hiển thị màu CRI Color Rendering Index		≥70 / ≥80*												
Bộ nguồn DIM Dimming Driver	Non-Dimming	•		•	•		•	•	•	•		•	•	
	Dimming	•	•	•	•	•	•		•	•	•	•		•
Chiếu sáng thông minh* Smart Lighting*		Bộ nguồn DIM có khả năng lập trình tới 5 chế độ, có sẵn cổng chờ 1-10V để kết nối chiếu sáng thông minh												
Nguồn điện đầu vào danh định Input Power		154-242 Vac / 50-60Hz (Normal) or 110-277 Vac* (Wider range mains) / 50-60Hz												
Hệ số Công suất Rated Power Factor		>0,95 (Ở dòng tiêu chuẩn / Norminal power)												
SPD - Bảo vệ chống sét lan truyền SPD - Surge Protection Device		Surge impulse voltage/Uoc: 10 kV/20kV*												
Nhiệt độ môi trường (°C) Ambient Temperature		-40°C ...50°C (Ta in free air)												
Tuổi thọ LED (h) LED Lifetime		Đến 100.000 giờ (tùy theo thỏa thuận giữa hai bên) / Upto 100.000 h (by agreement of both parties)												
Bảo hành Warranty		3-5 năm tùy theo thỏa thuận giữa hai bên / 3-5 years by agreement of both parties												
Góc phân bố ánh sáng Beam Angle		60° x 60° / 30° x 30° *											60° x 60°	
Kích thước hộp bao gói (mm) Packaging Dimensions		432	510	510	588	588	666	744	510	588	588	666	744	822
Khối lượng đèn cả bao gói (kg) Gross Weight		9,0	10,6	10,6	12,2	12,2	13,8	15,0	19,5	23,3	23,3	24,2	26,5	29,2

Ghi chú: Các thông số trên là tiêu chuẩn, các lựa chọn khác vui lòng liên hệ để được tư vấn
 Các lựa chọn đánh dấu (*) là lựa chọn thêm - Dung sai công suất ± 7% , Quang thông: ± 7%;
 Lập trình được mọi công suất lẻ theo yêu cầu.

Note: All above data is standard, other options can be contacted for advice.

The data marked with (*) is additional option. Tolerance: Power consumption; ± 7% , Luminous flux: ± 7%;



SAMBA SX

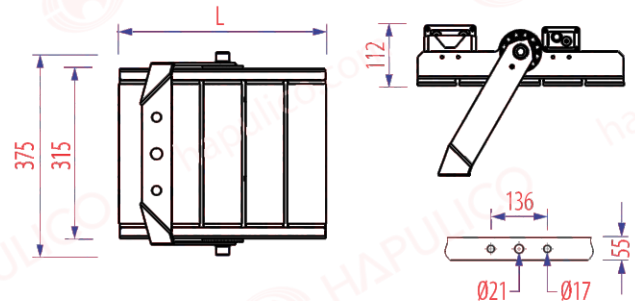
LED FLOODLIGHT

MÔ TẢ SẢN PHẨM | Description

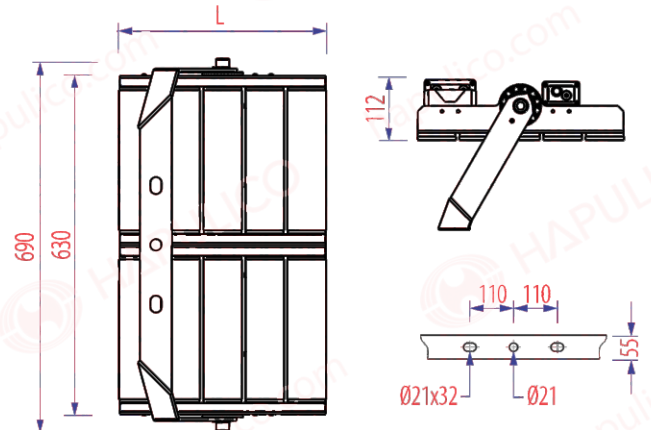
- Module: Chip Led hiệu suất cao. (Lumileds, Osram, Samsung ... hoặc tương đương)
- Bộ nguồn có thể lập trình DIM tới 5 chế độ, có khả năng kết nối với điều khiển trung tâm.
- SPD: Bảo vệ xung điện, chống sét.
- Thân đèn: Thép tấm được xử lý bề mặt chống gỉ.
- Tay đèn: Thép mạ, lắp xoay đa chiều tùy vị trí gá.
- Sơn tĩnh điện màu đen mờ (RAL 9011), có kháng UV.
- Số lượng Module LED thay đổi theo công suất đèn.
- LED Module: Led chip with high efficacy. (Lumileds, Osram, Samsung... or equivalent)
- SPD: Resistant to surges.
- LED driver: Programmable dimming up to 5 steps, external control interface available.
- Housing: Steel plate has anti-rust surface treatment.
- Mounting bracket: Galvanised steel, universal installation.
- Power coating in matte black (RAL 9011), UV resistance anti-dust, high resistance to corrosion and salty water
- Number of LED module is changed according to the luminaire power.

Drawing

SAMBA_{SX} 200W-500W

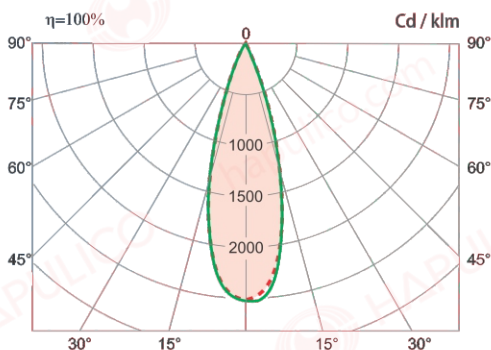


SAMBA_{SX} 520W-1000W

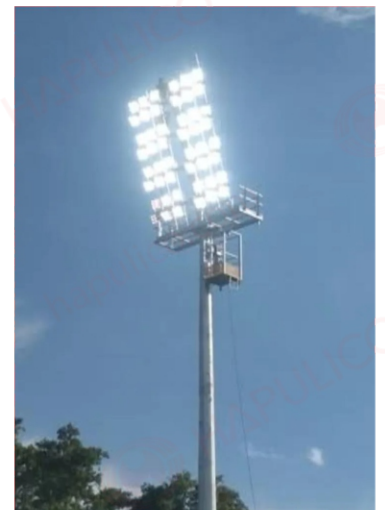
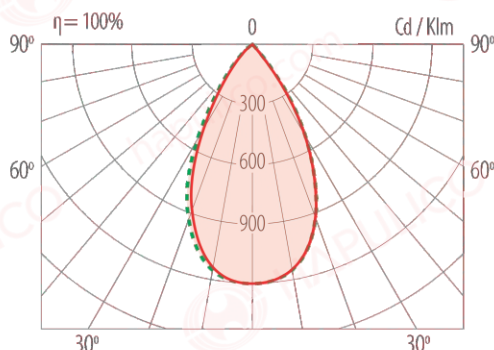


ĐƯỜNG PHÂN BỐ ÁNH SÁNG | Polar Intensity Diagram

SAMBA-SX 30°x 30°



SAMBA-SX 60°x 60°



IP66



Class I



IK08



SAMBA-SX

LED FLOODLIGHT



Thông số kỹ thuật Technical Specifications		SAMBA-SX LED FLOODLIGHT												
		200	240	260	320	350	400	450	520	640	700	800	900	1000
Công suất (W) Power (Max)		200	240	260	320	350	400	450	520	640	700	800	900	1000
Quang thông đèn (lm) Typical Luminous Flux		26.000	31.200	33.800	41.600	45.500	52.000	62.400	67.600	83.200	91.000	104.000	117.000	130.000
Hiệu suất sáng đèn (lm/W) System Efficiency		≥ 130 (4000K)												
Nhiệt độ màu (K) Color Temperature		3,000* / 4,000 / 5,700*												
Chỉ số hiển thị màu (Ra) Color Rendering Index		≥ 70 / ≥ 80*												
Bộ nguồn Power Driver	Không DIM Non-Dimming	•		•	•		•	•	•	•		•	•	•
	DIM Dimming	•	•	•	•	•	•		•	•	•	•		•
Bộ nguồn DIM Dimming Driver		Có khả năng lập trình tới 5 chế độ, có sẵn cổng chờ 1-10V để kết nối chiếu sáng thông minh												
Nguồn điện đầu vào Input Power		154-242 V _{AC} / 50-60Hz (Normal) or 110-277 V _{AC} * (Wider range mains) / 50-60Hz												
Hệ số Công suất Rated Power Factor		>0,95 (Ở dòng tiêu chuẩn / Nominal power)												
SPD - Bảo vệ chống sét, xung điện SPD - Surge Protection Device		Surge impulse voltage/Uoc: 10 kV/20kV*												
Nhiệt độ môi trường (°C) Ambient Temperature		-40°C ...50°C (Ta in free air)												
Tuổi thọ LED (h) LED Lifetime		Đến 100.000 giờ (tùy theo thỏa thuận giữa hai bên) / Upto 100.000 h (by agreement of both parties)												
Bảo hành Warranty		3-5 năm tùy theo thỏa thuận giữa hai bên / 3-5 years by agreement of both parties												
Góc phân bố ánh sáng Beam Angle		60° x 60° / 30° x 30°*											60° x 60°	
Chiều dài đèn (mm) Overall Length		266	344	344	422	422	500	578	344	422	422	500	578	656
Tiêu chuẩn áp dụng Standard		IEC 60598-1 ; IEC 60598-2-3 ; EN 62262 ; IEC 62717 ; IEC 60529 ; TCVN 7722-1 ; TCVN 10485 ; TCVN 10886 ...												

Ghi chú: Các thông số trên là tiêu chuẩn, các lựa chọn khác vui lòng liên hệ để được tư vấn
 Các lựa chọn đánh dấu (*) là lựa chọn thêm - Dung sai công suất ± 7% , Quang thông: ± 7%;
 Lập trình được mọi công suất lẻ theo yêu cầu.

Note: All above data is standard, other options can be contacted for advice.

The data marked with (*) is additional option. Tolerance: Power consumption; ± 7% , Luminous flux: ± 7%;

SAMBA ECO

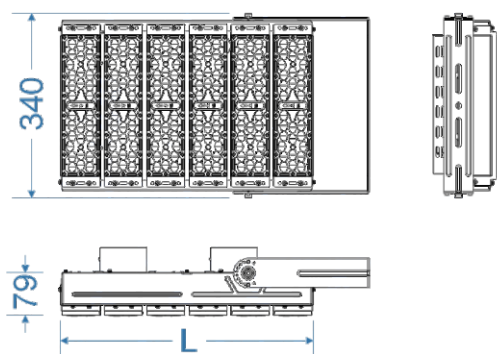
LED FLOODLIGHT

MÔ TẢ SẢN PHẨM | Description

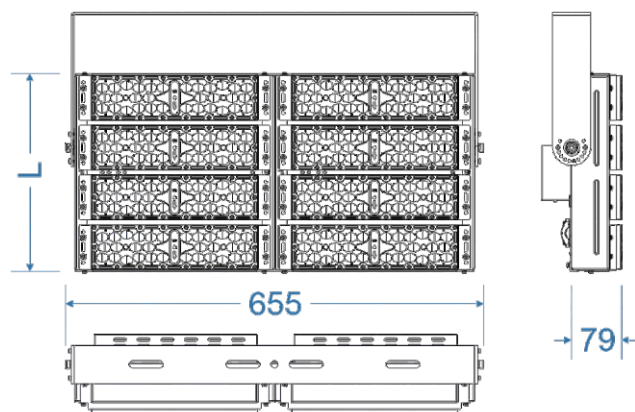
- Module: Chip Led hiệu suất cao.
(Lumileds, Osram, Samsung ... hoặc tương đương)
- Bộ nguồn có thể lập trình DIM tới 5 chế độ, có khả năng kết nối với điều khiển trung tâm.
- SPD: Bảo vệ xung điện, chống sét.
- Thân đèn: Thép tấm được xử lý bề mặt chống gỉ.
- Tay đèn: Thép mạ, lắp xoay đa chiều tùy vị trí gá.
- Sơn tĩnh điện màu ghi sáng hoặc đen mờ... có kháng UV.
- Số lượng Module LED thay đổi theo công suất đèn.
- LED Module: Led chip with high efficacy.
(Lumileds, Osram, Samsung... or equivalent)
- SPD: Resistant to surges.
- LED driver: Programmable dimming up to 5 steps, external control interface available.
- Housing: Steel plate has anti-rust surface treatment.
- Mounting bracket: Galvanised steel, universal installation.
- Power coating in matte black (RAL 9011), UV resistance anti-dust, high resistance to corrosion and salty water
- Number of LED module is changed according to the luminaire power.

Drawing

SAMBAECO 40W-360W

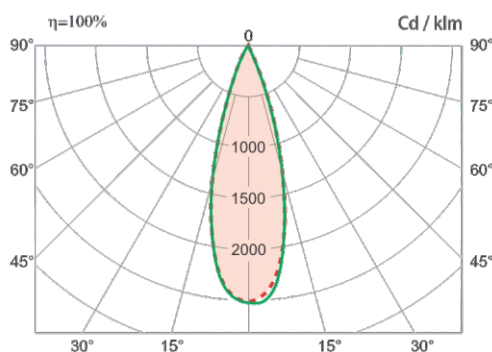


SAMBAECO 370W-480W

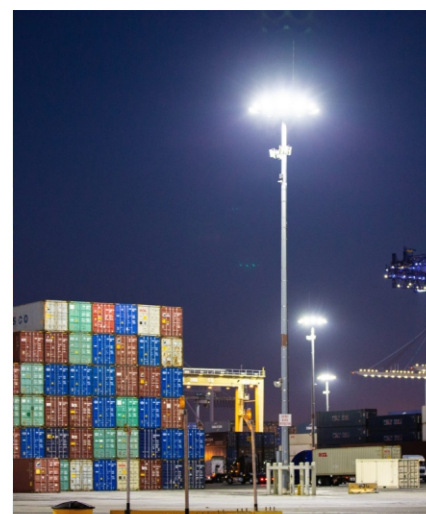
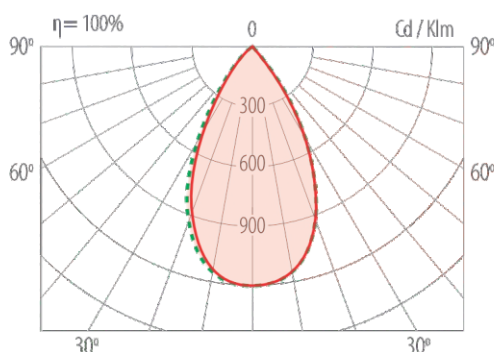


ĐƯỜNG PHÂN BỐ ÁNH SÁNG | Polar Intensity Diagram

SAMBA-ECO 30°x 30°



SAMBA-ECO 60°x 60°



IP66



Class I



IK08



SAMBA-ECO

LED FLOODLIGHT



Thông số kỹ thuật Technical Specifications		SAMBA-ECO LED FLOODLIGHT						
		ECO-1	ECO-2	ECO-3	ECO-4	ECO-5	ECO-6	ECO-8
Công suất (W) Power (Max)		40 ~ 60	70 ~ 120	130 ~ 200	210 ~ 240	250 ~ 300	310 ~ 360	370 ~ 480
Quang thông đèn (lm) Typical Luminous Flux		6000~9000	10500~18000	19500~30000	31500~36000	37500~45000	46500~54000	55500~72000
Hiệu suất sáng đèn (lm/W) System Efficiency		≥150 (CHIPS LED 5050 - 4000K) / ≥130* (CHIPS LED 3030- 4000K)						
Nhiệt độ màu (K) Color Temperature		3000K*/4000K/5000K*/5700K*/6500K*						
Chỉ số hiển thị màu (Ra) Color Rendering Index		≥70 / ≥80*						
Bộ nguồn Power Driver	Không DIM Non-Dimming	40 / 60	70 / 120	130 / 200	210 / 240	250 / 300	310 / 360	370 / 480
	DIM Dimming	40 ~ 60	70 ~ 120	130 ~ 200	210 ~ 240	250 ~ 300	310 ~ 360	370 ~ 480
Bộ nguồn DIM Dimming Driver	Có khả năng lập trình tới 5 chế độ, có sẵn cổng chờ 1-10V để kết nối chiếu sáng thông minh							
Nguồn điện đầu vào Input Power	154-242Vac / 50-60Hz (Normal) or 110-277Vac* (Wider range mains) / 50-60Hz							
Hệ số Công suất Rated Power Factor	≥ 0,95 (Ở dòng tiêu chuẩn / Norminal power)							
SPD - Bảo vệ chống sét, xung điện SPD - Surge Protection Device	Surge impulse voltage/Uoc: 10 kV/20kV*							
Nhiệt độ môi trường (°C) Ambient Temperature	-40° ... 50° (Ta in free air)							
Tuổi thọ LED (h) LED Lifetime	Đến 100.000 giờ (tùy theo thỏa thuận giữa hai bên) / Upto 100.000h (by agreement of both parties)							
Bảo hành Warranty	3-5 năm tùy theo thỏa thuận giữa hai bên / 3-5 years by agreement of both parties							
Góc phân bố ánh sáng Beam Angle	60° x 60° / 30° x 30° *							
Chiều dài đèn (mm) Overall Length		148	148	226	304	382	460	310 (2x)
Tiêu chuẩn áp dụng Standard	IEC 60598-1 ; IEC 60598-2-3 ; EN 62262 ; IEC 62717 ; IEC 60529 ; TCVN 7722-1 ; TCVN 10485 ; TCVN 10886 ...							

Ghi chú: Các thông số trên là tiêu chuẩn, các lựa chọn khác vui lòng liên hệ để được tư vấn
 Các lựa chọn đánh dấu (*) là lựa chọn thêm - Dung sai công suất ± 7% , Quang thông: ± 7%;
 Lập trình được mọi công suất lẻ theo yêu cầu.

Note: All above data is standard, other options can be contacted for advice.

The data marked with (*) is additional option. Tolerance: Power consumption; ± 7% , Luminous flux: ± 7%;



**CÔNG TY TNHH MTV
CHIẾU SÁNG VÀ THIẾT BỊ ĐÔ THỊ
*Lighting and Urban Equipment Co., Ltd***

Website: www.hapulico.com

Email: info@hapulico.com

TRỤ SỞ CHÍNH

Số 1, Vũ Đức Thận, Quận Long Biên
TP. Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-024) 3825 3300
Fax: (84-024) 3826 2772

NHÀ MÁY

Lô CN-05, KCN Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ,
TP. Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-024) 3223 2230
Fax: (84-024) 3223 2355

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

330 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê
TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: 0913404009 / (0236) 3656056

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG BẮC HAPULICO

Tầng 1 - Số 48 Nguyễn Thiệp, P.Đông Xuân, Q.Hoàn Kiếm
TP. Hà Nội, Việt Nam
Tel: 0902162266 / (024) 38249392

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG NAM HAPULICO

49E Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: 0902282626 / (028) 38410897

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Tầng 4 - Số 48 Nguyễn Thiệp, P.Đông Xuân, Q.Hoàn Kiếm
TP. Hà Nội, Việt Nam
Tel: 0902272828 / (024) 36240068